TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2022/QĐST-HNGĐ	*Hương Trà, ngày 20 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 40/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Cao XH**, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố Giáp Trung, phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị **Lê Tùng G**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Thạch Nham Tây, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao XH và chị Lê Tùng G đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/01/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh Cao XH và chị Lê Tùng G đã được tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

[2] Về con chung: Anh Cao XH và chị Lê Tùng G có 02 con chung là Cao Kỳ D, sinh ngày 14/10/2021 và Cao Ánh H, sinh ngày 24/01/2016. Hiện nay cháu Cao Ánh H đang được anh Huy trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Cao Kỳ D đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên thỏa thuận giao cháu Cao Kỳ D cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Cao Ánh H cho anh Huy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh Cao XH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là Cao Kỳ D mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Cao Kỳ D đủ 18 tuổi; chị Lê Tùng G không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận của anh Huy, chị G là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Cao XH và chị Lê Tùng G đều trình bày không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết.

[4] Về lệ phí toà án: Anh Cao XH và chị Lê Tùng G phải chịu 300.000 đồng, mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao XH và chị Lê Tùng G thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Cao Kỳ D, sinh ngày 14/10/2021 cho chị Lê Tùng G trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Cao Ánh H, sinh ngày 24/01/2016 cho anh Cao XH trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh Cao XH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Cao Kỳ D mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Cao Kỳ D đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiếp cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, Toà án không giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Cao XH và chị Lê Tùng G mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0001396 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Anh Huy, chị G đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND phường Vỹ Dạ, thành phố Huế *(Đăng ký số 06 ngày 14/01/2015);*
- Lưu văn thư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh